

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HẠ

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Minh Đức	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 04/07/2016)
Ông Trần Hồng Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/05/2016)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/05/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,


Trần Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang số 04 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017



Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 1687-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		362.179.257.707	270.388.931.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	115.776.094.354	89.988.297.702
1. Tiền	111		65.776.094.354	69.988.297.702
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	82.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		82.000.000.000	20.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.090.022.722	69.274.126.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.840.972.070	66.842.425.620
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.496.511.613	347.023.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.752.539.039	2.084.678.039
IV. Hàng tồn kho	140	9	102.673.570.427	88.411.349.774
1. Hàng tồn kho	141		102.673.570.427	88.411.349.774
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.639.570.204	2.715.157.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.448.238.855	565.348.428
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.191.331.349	1.384.854.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	764.953.886
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.197.345.697	113.906.118.521
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		234.446.975	209.446.975
1. Phải thu dài hạn khác	216		234.446.975	209.446.975
II. Tài sản cố định	220		48.139.008.129	56.801.739.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.139.008.129	56.801.739.954
- Nguyên giá	222		268.756.931.301	264.917.748.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.617.923.172)	(208.116.008.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		196.200.000	196.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(196.200.000)	(196.200.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.811.322.454	2.292.614.513
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	41.811.322.454	2.292.614.513
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.012.568.139	54.602.317.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	53.012.568.139	54.360.317.079
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	242.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		505.376.603.404	384.295.050.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		178.120.724.613	162.371.847.599
I. Nợ ngắn hạn	310		177.499.001.748	161.843.295.799
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	76.596.400.222	91.408.941.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.423.638.995	1.768.791.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.326.790.631	8.294.608.386
4. Phải trả người lao động	314		42.523.406.075	36.828.552.406
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	9.404.022.264	8.508.010.299
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.216.024.406	899.575.757
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	12.127.070.416	595.060.788
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		252.000.000	252.500.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.629.648.739	13.287.254.739
II. Nợ dài hạn	330		621.722.865	528.551.800
1. Phải trả dài hạn khác	337		621.722.865	528.551.800
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.255.878.791	221.923.202.527
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	327.255.878.791	221.923.202.527
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	82.125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			164.250.000.000	82.125.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	22.721.250.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		114.390.296.941	109.890.296.941
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.456.469.550	3.530.453.286
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.280.453.286	3.493.890.849
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.176.016.264	36.562.437
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		505.376.603.404	384.295.050.126

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Xuân

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	854.979.475.892	790.673.232.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	11.706.141.551	8.900.700.651
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	843.273.334.341	781.772.532.141
4. Giá vốn hàng bán	11	20	685.180.659.478	641.499.677.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.092.674.863	140.272.854.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.253.143.797	3.939.661.088
7. Chi phí tài chính	22	22	326.276.320	165.907.826
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.536.900	16.362.000
8. Chi phí bán hàng	25	23	67.578.653.467	59.160.905.173
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	54.230.565.237	50.539.769.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.210.323.636	34.345.933.092
11. Thu nhập khác	31		642.519.603	385.901.330
12. Chi phí khác	32		827.490.669	569.327.500
13. Lợi nhuận khác	40		(184.971.066)	(183.426.170)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.025.352.570	34.162.506.922
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	8.182.336.306	6.513.862.990
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		242.000.000	1.200.000.000
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.601.016.264	26.448.643.932
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.587	3.029

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Đỗ Thị Kim Xuân

Trần Hồng Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.025.352.570	34.162.506.922
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	21.909.517.869	18.133.964.286
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(408.016.412)	(66.973.557)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.817.206.257)	(3.965.936.669)
- Chi phí lãi vay	06	15.536.900	16.362.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.725.184.670	48.279.922.982
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.482.748.239	(16.253.027.331)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.262.220.653)	(6.353.103.544)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	10.165.500.280	32.916.827.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(535.141.487)	1.154.023.930
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.400.000)	(33.400.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.179.785.024)	(6.891.408.255)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	271.722.000	344.657.714
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(592.500.000)	(539.313.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.059.108.025	52.625.178.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(63.881.062.023)	(25.735.125.408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	196.507.273	5.209.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(133.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	71.000.000.000	30.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.428.332.317	4.264.922.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(121.256.222.433)	(1.464.994.295)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	93.073.760.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.428.100.750)	(12.085.544.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.645.159.250	(12.085.544.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	25.448.044.842	39.074.639.900
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	89.988.297.702	50.877.095.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	339.751.810	36.562.437
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	115.776.094.354	89.988.297.702

Người lập

Phạm Thị Hương Giang

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Kim Xuân



Hải Hà ngày 24 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc

BÁNH KẸO HẢI HÀ

HƯNG YÊN, TỈNH HÀ NỘI

Trần Hồng Thanh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó, vốn Nhà nước (Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ) là 83.767.500.000 đồng (tương ứng với 8.376.750 cổ phần), chiếm 51%; vốn của các cổ đông khác là 80.482.500.000 đồng (tương ứng với 8.048.250 cổ phần), chiếm 49%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”, “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và “Phải thu về cho vay dài hạn”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh “Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi”.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê, bao gồm:

- Tiền thuê 2.565 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLD/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Tiền thuê 48.705 m² đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62 USD/m² thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14/12/2010 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh.
- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	313.629.366	388.951.644
Tiền gửi ngân hàng	65.462.464.988	69.599.346.058
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	115.776.094.354	89.988.297.702

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Liên Việt – Chi nhánh Hà Đông với lãi suất từ 4,4%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	82.000.000.000	82.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	82.000.000.000	82.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn từ 4 tháng đến 13 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 6,8%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	40.840.972.070	66.842.425.620
IMPACT CO., LTD (Shine Win Trading)	2.415.177.220	7.769.773.592
ZONATRADING FOODS CO.,LTD(D-Khand)	5.985.597.604	8.505.725.652
Các khoản phải thu khách hàng khác	32.440.197.246	50.566.926.376
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	40.840.972.070	66.842.425.620

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	3.752.539.039	-	2.084.678.039	-
Tạm ứng	1.222.841.081	-	995.434.585	-
Các khoản chi hộ	-	-	120.708.173	-
Lãi tiền gửi dự thu	2.077.866.667	-	885.500.000	-
Phải thu khác	451.831.291	-	83.035.281	-
Dài hạn	234.446.975	-	209.446.975	-
Ký cược, ký quỹ	234.446.975	-	209.446.975	-
Cộng	3.986.986.014	-	2.294.125.014	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	6.878.974.247	-	2.038.220.197	-
Nguyên liệu, vật liệu	56.721.098.637	-	47.853.389.853	-
Công cụ, dụng cụ	172.049.370	-	234.388.619	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	971.268	-	275.820.250	-
Thành phẩm	25.601.234.190	-	21.367.770.872	-
Hàng hoá	13.299.242.715	-	16.641.759.983	-
Cộng	102.673.570.427	-	88.411.349.774	-

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị mất giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	63.863.405.893	184.322.465.425	16.468.554.569	263.322.786	264.917.748.673
Mua trong năm	-	10.818.569.500	2.361.466.544	66.750.000	13.246.786.044
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.895.909.132)	(511.694.284)	-	(9.407.603.416)
Tại ngày 31/12/2016	63.863.405.893	186.245.125.793	18.318.326.829	330.072.786	268.756.931.301
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	30.467.241.440	165.327.251.176	12.062.875.401	258.640.702	208.116.008.719
Khấu hao trong năm	9.727.421.472	10.254.405.915	1.916.827.842	10.862.640	21.909.517.869
Phân loại lại	-	(249.454.548)	249.454.548	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.895.909.132)	(511.694.284)	-	(9.407.603.416)
Tại ngày 31/12/2016	40.194.662.912	166.436.293.411	13.717.463.507	269.503.342	220.617.923.172
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	33.396.164.453	18.995.214.249	4.405.679.168	4.682.084	56.801.739.954
Tại ngày 31/12/2016	23.668.742.981	19.808.832.382	4.600.863.322	60.569.444	48.139.008.129

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 166.715.155.340 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 165.201.898.197 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỢI DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà máy mới tại KCN VSIP	41.811.322.454	2.292.614.513
Cộng	41.811.322.454	2.292.614.513

Theo Quyết định số 288/QĐ - HĐQT ngày 09/06/2011 của Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án "Di dời, đầu tư xây dựng Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà" tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư là 485.043.079.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Dự án bắt đầu được thực hiện từ quý IV năm 2010 và dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ công trình vào quý IV năm 2015. Ngày 15/10/2015, Hội đồng quản trị Công ty quyết định điều chỉnh tiến độ dự án di dời đến hết năm 2020 và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu giai đoạn 2016-2017.

Nguồn vốn đầu tư của Dự án này được hình thành từ nguồn lợi nhuận thu được từ dự án hợp tác đầu tư khai thác khu đất tại 25 Trương Định, Hà Nội sau khi di dời, nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty và tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2016.

Giai đoạn này, Công ty thực hiện xây dựng hạng mục nhà xưởng sản xuất chính, nhà văn phòng, các hạng mục phụ trợ, đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất và di dời từng phần các dây chuyền hiện tại. Dự kiến Công ty sẽ di dời sang nhà máy mới tại Khu công nghiệp VSIP – Bắc Ninh vào quý 2/2017.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.448.238.855	565.348.428
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho	204.602.866	309.320.362
Chi phí quảng cáo	793.416.667	245.665.569
Các khoản khác	1.450.219.322	10.362.497
Dài hạn	53.012.568.139	54.360.317.079
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	50.185.464.607	51.385.464.607
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.710.103.532	2.791.352.472
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.000.000	183.500.000
Cộng	55.460.806.994	54.925.665.507

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	337.307.600
Trích trước chi phí lãi vay	9.864.800	10.727.900
Trích trước chi phí vận chuyển, xăng xe	3.016.593.281	3.206.206.845
Trích trước chi phí bán hàng	2.254.082.498	1.964.186.200
Trích trước chi phí khác	4.123.481.685	2.989.581.754
Cộng	9.404.022.264	8.508.010.299

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	12.127.070.416	595.060.788
Kinh phí công đoàn	36.799.752	43.846.135
Bảo hiểm xã hội	-	3.877.534
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	334.000.000	450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.570.625	15.671.375
Công ty Liên danh ACI Vietnam- Đông Á (*)	11.500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.700.039	81.665.744
Dài hạn	621.722.865	528.551.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	621.722.865	528.551.800
Cộng	<u>12.748.793.281</u>	<u>1.123.612.588</u>

(*) Khoản tiền thanh toán theo tiến độ của Công ty Liên danh ACI Vietnam – Đông Á theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI Vietnam- Đông Á ngày 17/3/2016 để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp	10.309.676.284	10.309.676.284	14.914.396.376	14.914.396.376
Công ty TNHH Sản xuất bột mỳ VIMAFLOUR	3.737.866.000	3.737.866.000	5.982.301.052	5.982.301.052
Công ty Cổ phần Thực phẩm Minh Dương	4.642.802.626	4.642.802.626	5.058.082.969	5.058.082.969
Công ty TNHH TMA	6.684.126.482	6.684.126.482	5.060.139.150	5.060.139.150
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	51.221.928.830	51.221.928.830	60.394.022.195	60.394.022.195
Cộng	76.596.400.222	76.596.400.222	91.408.941.742	91.408.941.742

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	4.161.459.201	19.241.530.142	21.310.872.762	2.092.116.581
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.805.970.129	3.805.970.129	-
Thuế nhập khẩu	(69.326.507)	1.753.129.229	1.683.802.722	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.787.869.366	8.182.336.306	7.179.785.024	4.790.420.648
Thuế thu nhập cá nhân	343.079.859	1.157.780.075	1.060.846.492	440.013.442
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(695.627.379)	5.052.090.369	4.356.462.990	-
Các loại thuế khác	2.199.960	30.514.051	28.474.051	4.239.960
Cộng	7.529.654.500	39.223.350.301	39.426.214.170	7.326.790.631
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	764.953.886			-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	8.294.608.386			7.326.790.631

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	82.125.000.000	22.721.250.000	3.656.202.300	97.119.397.642	3.743.890.849	209.365.740.791
Lãi trong năm	-	-	-	-	26.448.643.932	26.448.643.932
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.770.899.299	(26.412.081.495)	(13.641.182.196)
Giảm khác	-	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	82.125.000.000	22.721.250.000	3.656.202.300	109.890.296.941	3.530.453.286	221.923.202.527
Tăng vốn trong năm	82.125.000.000	10.781.660.000	-	-	-	92.906.660.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	33.601.016.264	33.601.016.264
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.500.000.000	(25.675.000.000)	(21.175.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	114.390.296.941	11.456.469.550	327.255.878.791

Nghị quyết số 140/NQ-DHĐCĐ ngày 26/03/2016 Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 đã quyết định tỷ lệ thanh toán cổ tức của năm 2015 là 15%/cổ phiếu bằng tiền mặt. Tổng số tiền cổ tức năm 2015 đã được tạm chia và chi trả vào tháng 12/2015 với tổng số tiền là 12.318.750.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển: 4,5 tỷ đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 4,5 tỷ đồng và tạm chia cổ tức với số tiền là 16.425.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83.767.500.000	51%	41.883.750.000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	80.482.500.000	49%	40.241.250.000	49%
Cộng	164.250.000.000	100%	82.125.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	82.125.000.000	82.125.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	82.125.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	164.250.000.000	82.125.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.425.000.000	12.318.750.000

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	16.425.000	8.212.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	8.212.500
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	8.212.500
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	8.212.500
- Cổ phiếu phổ thông (*)	16.425.000	8.212.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

(*) Ngày 26/3/2016, Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được dùng để đầu tư Dự án "Di dời, đầu tư xây dựng mới Nhà máy bánh kẹo Hải Hà" tại Khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh". Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty đã bán ra công chúng là 16.425.000 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu đã phát hành thêm là 8.212.500 cổ phiếu. Việc phát hành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 08/07/2016 theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty với tổng số cổ phiếu đã phát hành bổ sung là 8.212.500 cổ phiếu.

Ngày 02/08/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần 5, theo đó Vốn điều lệ của Công ty là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phiếu.

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu để thanh toán cho các gói thầu xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng, các công trình phụ trợ và mở LC để thanh toán cho hai dây chuyền sản xuất thuộc Dự án "Di dời, đầu tư xây dựng mới Nhà máy bánh kẹo Hải Hà" tại Khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh".

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
- USD	711.828,06	637.909,01

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	845.139.519.568	786.883.238.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.839.956.324	3.789.994.472
Cộng	854.979.475.892	790.673.232.792
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	2.561.239.308	2.432.445.397
Hàng bán bị trả lại	9.144.902.243	6.468.255.254
Cộng	11.706.141.551	8.900.700.651
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	833.433.378.017	777.982.537.669
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.839.956.324	3.789.994.472
Cộng	843.273.334.341	781.772.532.141

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	685.180.659.478	641.499.677.953
Cộng	685.180.659.478	641.499.677.953

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.620.698.984	3.075.227.578
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	224.428.401	797.459.953
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	408.016.412	66.973.557
Cộng	6.253.143.797	3.939.661.088

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.536.900	16.362.000
Chiết khấu thanh toán	69.161.434	74.316.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	241.577.986	75.228.940
Cộng	326.276.320	165.907.826

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.628.852.410	5.204.263.799
Chi phí nhân viên	16.364.521.507	14.098.231.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.396.637.880	936.285.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.560.603.635	28.167.632.760
Chi phí bằng tiền khác	13.628.038.035	10.754.490.756
Cộng	67.578.653.467	59.160.905.173

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	336.138.057	523.760.943
Chi phí nhân viên quản lý	27.773.323.818	27.500.631.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.960.509.787	4.120.354.656
Thuế, phí và lệ phí	5.065.066.369	4.934.028.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.075.937.695	10.582.471.537
Chi phí bằng tiền khác	3.019.589.511	2.878.522.929
Cộng	54.230.565.237	50.539.769.185

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	587.188.985.675	568.671.358.417
Chi phí nhân công	132.145.318.584	124.295.752.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.909.517.869	18.133.964.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.737.412.409	39.719.816.404
Chi phí khác bằng tiền	29.773.815.437	23.113.805.287
Cộng	829.755.049.974	773.934.696.620

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	42.025.352.570	34.162.506.922
Điều chỉnh cho thu nhập trước thuế	(1.113.671.040)	(4.554.038.787)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>340.287.792</i>	<i>(143.086.516)</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>408.911.714</i>	<i>68.623.922</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện năm nay</i>	<i>(68.623.922)</i>	<i>(211.710.438)</i>
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	(773.383.248)	(4.697.125.303)
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>326.616.752</i>	<i>102.874.697</i>
<i>Chênh lệch tạm thời về chi phí</i>	<i>(1.100.000.000)</i>	<i>(4.800.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	40.911.681.530	29.608.468.135
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	8.182.336.306	6.513.862.990

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.601.016.264	26.448.643.932
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	4.500.000.000	1.572.432.196
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.101.016.264	24.876.211.736
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.250.000	8.212.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.587	3.029

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.776.094.354	89.988.297.702
Đầu tư ngắn hạn	82.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.370.670.028	67.931.669.074
Tài sản tài chính khác	234.446.975	209.446.975
Cộng	241.381.211.357	178.129.413.751
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	252.000.000	252.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	88.686.670.886	91.956.278.861
Chi phí phải trả	9.404.022.264	8.508.010.299
Công nợ tài chính khác	621.722.865	528.551.800
Cộng	98.964.416.015	101.245.340.960

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch mua hàng, bán hàng lớn đều bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính	26.797.038.488	34.386.564.296
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.186.970.084	14.301.920.003
Phải thu khách hàng	10.610.068.404	20.084.644.293
Công nợ tài chính	2.144.368.100	6.364.350.000
Phải trả người bán	2.144.368.100	6.364.350.000
Mức độ rủi ro tiền tệ	<u>24.652.670.388</u>	<u>28.022.214.296</u>

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá: Không phát sinh*

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay	252.000.000	-	252.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	88.686.670.886	-	88.686.670.886
Chi phí phải trả	9.404.022.264	-	9.404.022.264
Công nợ tài chính khác	-	621.722.865	621.722.865
Tại ngày 01/01/2016			
Các khoản vay	252.500.000	-	252.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	91.956.278.861	-	91.956.278.861
Chi phí phải trả	8.508.010.299	-	8.508.010.299
Công nợ tài chính khác	-	528.551.800	528.551.800

- **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

<u>Đơn vị</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức được chia và đã trả		
Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	8.376.750.000	6.282.562.500
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.939.273.150	1.616.179.000

31. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

Ngày 17/03/2016, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số L9/IIHC - ACI Vietnam – Đông Á với Liên danh Công ty Cổ phần ACI Việt Nam – Công ty Cổ phần Hạ tầng Đông Á để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”. Trong đó, bao gồm việc thành lập Công ty cổ phần mới và Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà là cổ đông sáng lập góp 26% vốn điều lệ; liên doanh giữa Công ty Cổ phần ACI Việt Nam và Công ty Cổ phần Hạ tầng Đông Á góp 74% vốn điều lệ.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Xuân

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Thanh